

Số: 577/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục và quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung 05 TTHC (số thứ tự từ 1 đến 5, Mục I, Phần B) tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

2. Sửa đổi, bổ sung quy trình nội bộ thực hiện 05 TTHC (số thứ tự từ 117 đến 121, mục XIII, Phần A) tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 3015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP. Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Minh

Nguyễn Minh

DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUỐC TỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG CẤP TỈNH, CẤP BỘ (03 thủ tục)					
1	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam Mã TTHC: 2.002039	105 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Lệ phí: 3.000.000 đồng Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). + Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025; - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam; - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận; - Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước Mã TTHC: 2.002038	85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Lệ phí: 2.500.000 đồng Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). + Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025; - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2025/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Quyết định số 2358/QĐ-BTP.
3	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước Mã TTHC: 2.002036	75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Lệ phí: 2.500.000 đồng	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025; - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2025/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Quyết định số 2358/QĐ-BTP.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (02 thủ tục)					
4	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam Mã TTHC: 2.001895	- Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền là: + 53 ngày đối với hồ sơ xác minh thông thường; + 68 ngày đối với hồ sơ xác minh phức tạp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí: 100.000 đồng Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025;- Nghị định số 191/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2025/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Quyết định số 2358/QĐ-BTP.
5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước Mã TTHC: 1.005136	- Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền là: + 18 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; + 53 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (hồ sơ xác minh thông thường) + 68 ngày làm việc (hồ sơ xác minh phức tạp).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Phí: 100.000 đồng Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025;- Nghị định số 191/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2025/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Quyết định số 2358/QĐ-BTP.

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Nhập quốc tịch Việt Nam (Mã TTHC: 2.002039)

Thời gian thực hiện TTHC: 105 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Sở Tư pháp: 30 ngày; Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày; Bộ Tư pháp và các cơ quan Trung ương có liên quan: 70 ngày).

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0.5 ngày
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	0.5 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	27.5 ngày
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	0.5 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	0.5 ngày
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	0.5 ngày
B7	UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0.5 ngày
B8	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	02 ngày
B9	Xem xét hồ sơ và ký nháy	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày
B10	Xem xét hồ sơ và ký duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày
B11	Đóng dấu phát hành, chuyển lại Văn thư Bộ Tư pháp	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0.5 ngày
B12	Giải quyết hồ sơ tại các cơ quan Trung ương	Bộ Tư pháp và các cơ quan Trung ương có liên quan	70 ngày

2. Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước (Mã TTHC: 2.002038)

Thời gian thực hiện TTHC: 85 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Sở Tư pháp: 40 ngày; Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày; Các cơ quan Trung ương: 40 ngày).

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0.5 ngày
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	0.5 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	37.5 ngày
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	0.5 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	0.5 ngày
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	0.5 ngày
B7	UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0.5 ngày
B8	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	02 ngày
B9	Xem xét hồ sơ và ký nháy	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày
B10	Xem xét hồ sơ và ký duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày
B11	Đóng dấu phát hành, chuyển lại Văn thư Bộ Tư pháp	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0.5 ngày
B12	Giải quyết hồ sơ tại các cơ quan Trung ương	Bộ Tư pháp và các cơ quan Trung ương có liên quan	40 ngày

3. Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước (Mã TTHC: 2.002036)

Thời gian thực hiện TTHC: 75 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Sở Tư pháp: 30 ngày; Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày; Các cơ quan Trung ương: 40 ngày).

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0.5 ngày
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	0.5 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	27.5 ngày
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	0.5 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	0.5 ngày
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	0.5 ngày
B7	UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0.5 ngày
B8	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	02 ngày
B9	Xem xét hồ sơ và ký nháy	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày
B10	Xem xét hồ sơ và ký duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày
B11	Đóng dấu phát hành, chuyển lại Văn thư Bộ Tư pháp	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0.5 ngày
B12	Giải quyết hồ sơ tại các cơ quan Trung ương	Bộ Tư pháp và các cơ quan Trung ương có liên quan	40 ngày

4. Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (Mã TTHC: 2.001895)

a) Thời gian thực hiện TTHC: 53 ngày đối với hồ sơ xác minh thông thường

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0.5 ngày
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	01 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	49 ngày
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	01 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	0.5 ngày
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

b) Thời gian thực hiện TTHC: 68 ngày đối với hồ sơ xác minh phức tạp

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0.5 ngày
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	01 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	64 ngày
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	01 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	0.5 ngày
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

5. Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước (Mã TTHC: 1.005136)

a) Thời gian thực hiện TTHC: 18 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0.5 ngày
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	01 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	14 ngày
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	01 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	0.5 ngày
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

b) Thời gian thực hiện TTHC: 53 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (hồ sơ xác minh thông thường)

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0.5 ngày
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	01 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	49 ngày
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	01 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	0.5 ngày
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

c) Thời gian thực hiện TTHC: 68 ngày làm việc (hồ sơ xác minh phức tạp).

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0.5 ngày
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	01 ngày
B3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	64 ngày
B4	Ký nháy	Lãnh đạo Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp	01 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày
B6	Đóng dấu phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	0.5 ngày
B7	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian